

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm mạnh từ đầu phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng, thép, bất động sản và thép với thanh khoản thị trường tăng mạnh

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

POW, VNM

## [Vĩ mô/Chiến lược]

Đánh giá tác động của lãi suất tới TTCK

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng trading ngắn hạn gói đầu tại vùng hỗ trợ trong phiên, nhưng cần tuân thủ điểm dừng lỗ và hạ tỷ trọng nếu điểm đỡ này bị xuyên thủng sau đó

10/11/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	947.24	-3.89
VN30	936.80	-4.38
HĐTL VN30F1M	912.80	-4.82
HNXIndex	192.39	-4.47
HNX30	307.29	-6.34
UPCoM	68.80	-4.71
USD/VND	24,866	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.90	-1
Lãi suất qua đêm (%)	4.73	-41
Dầu (WTI, \$)	85.25	-0.68
Vàng (LME, \$)	1,706.84	+0.01



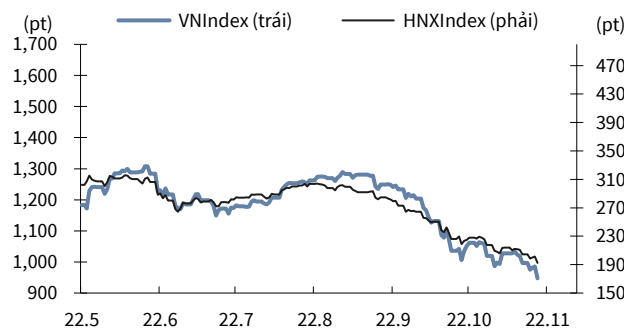
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>947.24 (-3.89%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>698.8 (+58.6%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>435.6 (+4.2%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>192.39 (-4.47%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>62.7 (+33.4%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>31.2 (+14.3%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>68.80 (-4.71%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>33.8 (+100.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>16.1 (+98.8%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>+3.7</b>

TTCK giảm điểm mạnh từ đầu phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng, thép, bất động sản và thép với thanh khoản thị trường tăng mạnh. Khối ngoại mua ròng ở KBC (-1.8%), VHC (0%), DPM (-6.9%).

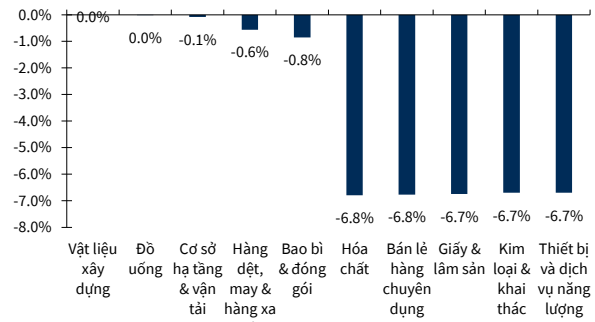
Cuộc khủng hoảng bất động sản ngày càng sâu sắc của Trung Quốc đang gây áp lực lên khoảng 1.600 tỷ USD trái phiếu trong nước, khi các thành phố và chính quyền địa phương phải ra mặt thông qua trái phiếu chính quyền địa phương (LGFV). Bloomberg Economics ước tính nợ trái phiếu là khoảng 11.600 tỷ Nhân dân tệ (khoảng 1.600 tỷ USD). Vấn đề căng thẳng của thị trường trái phiếu Trung Quốc cũng đã và đang tác động một phần tiêu cực đến nhóm BĐS Việt Nam. Cổ phiếu ngành bất động sản giảm Quỹ VNM ETF tiếp tục gom thêm một loạt cổ phiếu Việt trong giai đoạn 31/10-07/11). Ngày 07/11, tổng tài sản ròng của quỹ ở mức hơn 301 triệu USD. Trong đó, hơn 225 triệu USD được phân bổ vào thị trường Việt Nam. Nhóm cổ phiếu bị tác động gồm HPG (-6.9%); VHM (-1.3%); SSI (-6.7%).

## VNIndex & HNXIndex



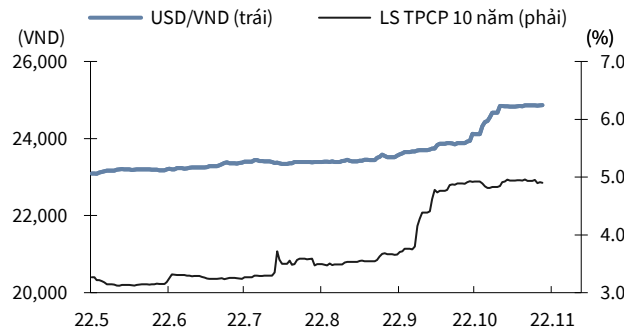
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



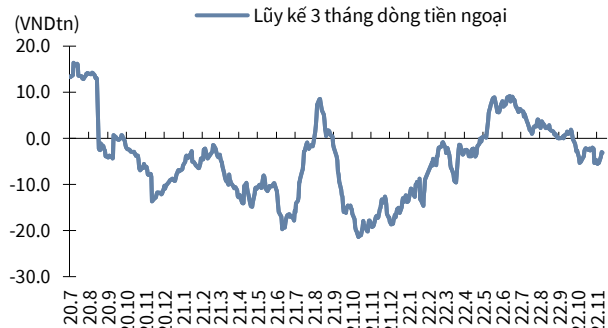
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



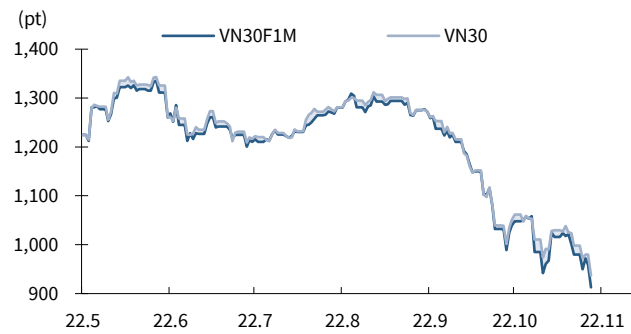
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>936.80 (-4.38%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>912.8 (-4.82%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>951.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>959.6</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>905.4</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>476,831 (+15.1%)</b>

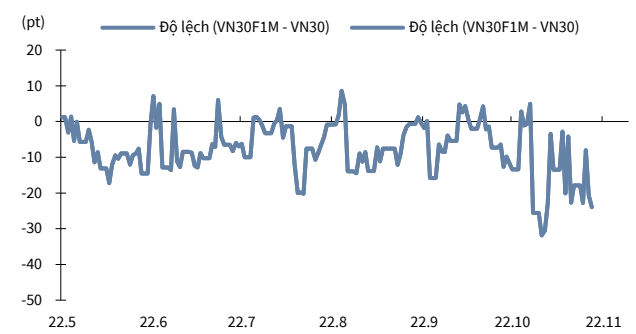
Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2211 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức thấp nhất ngày -29.6 điểm, sau đó thu hẹp biên độ, và đóng cửa ở mức -24 điểm, cho thấy tâm lý bi quan bao trùm thị trường của các nhà đầu tư. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

HĐTL VN30F1M & VN30



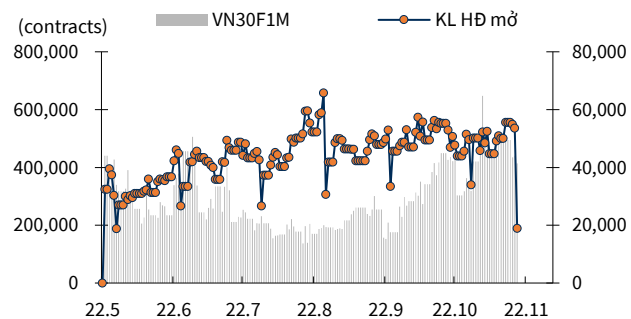
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



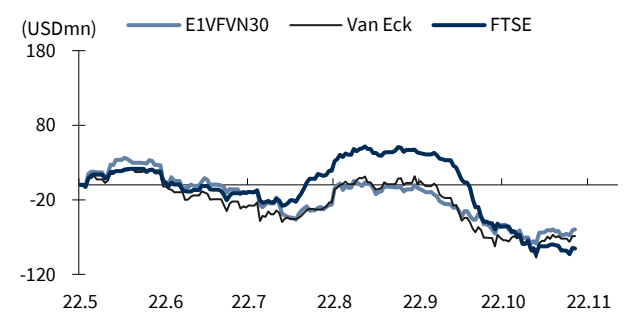
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

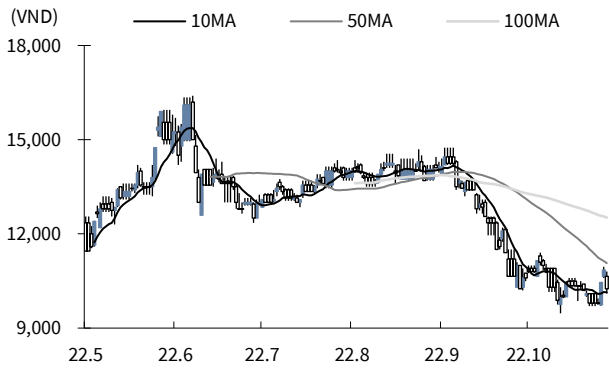
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (POW)

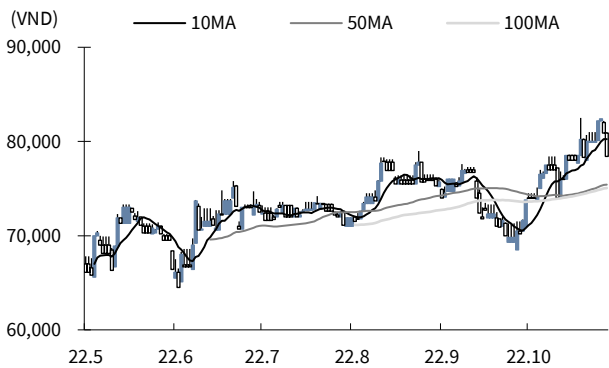


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW giảm 5.5% xuống 10,250 VND/cp

- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam công bố kết quả kinh doanh tháng 10 với doanh thu ước tính 1,860 tỷ đồng, tăng 83% YoY. Lũy kế 10 tháng doanh thu của PV Power đạt 22,628 tỷ đồng, tăng 4%.

## CTCP Sữa Việt Nam (VNM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM giảm 3.1% xuống 78,400 VND/cp

- Vinamilk công bố nâng vốn đầu tư cho các dự án tại Campuchia lên 42 triệu USD và lên kế hoạch xây dựng trang trại bò sữa với sản lượng sữa tươi nguyên liệu đạt trên 4,000 tấn/năm.  
- Đồng thời VNM cho biết cuối năm 2022, Vinamilk và Vilico sẽ tiến hành động thổ dự án Nhà máy sữa Hưng Yên với quy mô đầu tư 4,600 tỷ đồng.

# Đánh giá tác động của lãi suất tới thị trường chứng khoán

## Nền lãi suất có xu hướng tăng

### Tăng lãi suất để bảo vệ tỷ giá

- SBV đã công bố 2 lần điều chỉnh nâng lãi suất điều hành trong tháng 9 và tháng 10. Cụ thể, các mức lãi suất tái cấp vốn, tái chiết khấu, trần lãi suất huy động dưới 6 tháng tăng thêm 1% trong mỗi lần điều chỉnh.
- Fed đã 6 lần điều chỉnh tăng lãi suất mục tiêu lên 4.0% và dự báo tiếp tục tăng trong tháng cuối năm và sang cả 2023, đồng USD tăng giá mạnh, gây áp lực lên tỷ giá trong nước, để kìm chế mức độ mất giá của VND, thì SBV có thể dùng dự trữ ngoại hối tuy nhiên dự trữ ngoại hối đã chạm ngưỡng an toàn 3 tháng nhập khẩu theo khuyến nghị của IMF, nên SBV đã cân nhắc nâng lãi suất điều hành để bảo vệ tỷ giá.

### Lãi suất với VNindex có mối quan hệ ngược chiều

- 6T2007 - 2008: Lạm phát tăng mạnh 2 con số (đỉnh điểm CPI lên tới 23%), cùng với tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu khiến vấn đề lạm phát càng trở nên trầm trọng hơn, buộc SBV phải nâng lãi suất điều hành 4 lần từ 6.5 lên 15% để kìm hãm đà tăng của lạm phát. Trước động thái quyết liệt kiểm soát lạm phát về dưới ngưỡng 20%, và tình hình tài chính thế giới khó lường, thị trường chứng khoán đã giảm 70% giá trị từ 1100 xuống còn 315 điểm, mất khoảng 15 tỷ USD.
- 2009: Lạm phát hạ nhiệt, tháng 3/2009 Chính Phủ công bố gói kích cầu và gói hỗ trợ lãi suất 4% đối với các doanh nghiệp đi vay, đồng thời giãn và giảm thuế, kết hợp việc SBV giảm mạnh lãi suất chính sách xuống 7%, giúp VNindex phục hồi từ cuối tháng 3/2009 đến tháng 10/2009 từ 245 điểm lên 620 điểm tương ứng tăng 140%. Do gói kích cầu đã làm cho mức tăng trưởng tín dụng lên tới 38% YoY, tạo áp lực lên lạm phát giai đoạn sau, tháng 10/2009 SBV đã quyết định siết chặt tín dụng và thực hiện nâng lãi suất cơ bản từ 7% lên 8%, việc bất ngờ tăng lãi suất đã khiến thị trường đảo chiều giảm 20% từ 620 điểm xuống còn 495 điểm, kết thúc quá trình phục hồi của chỉ số.
- 2010 – 2011: Gói kích cầu chỉ mang lại kết quả ngắn hạn khi lạm phát tăng trở lại đạt 11.75% vượt chỉ tiêu kiểm soát lạm phát dưới 5% của Chính Phủ đề ra, từ tháng 10/2010 SBV liên tục nâng lãi suất điều hành tổng 6 lần từ 8% lên 15%. Xu hướng chính của thị trường là sụt giảm, đến cuối năm 2011 Vnindex giảm 32% từ 500 về 340 điểm.
- 2012 – 2019: SBV thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng khi lạm phát đã được kiềm chế, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, giúp phục hồi nền kinh tế, SBV quyết định 11 lần điều chỉnh hạ lãi suất điều hành từ 15% xuống 6.25% và duy trì ở mức thấp. VNindex đã tăng 170% từ 350 điểm lên 960 điểm.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex lao dốc ngay từ đầu phiên với biên độ mở rộng trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Sau khi đánh mất vùng hỗ trợ gần quanh 965-970, chỉ số giảm sâu với thanh khoản gia tăng trở lại cho thấy áp lực từ bên bán tiếp tục chiếm ưu thế. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong những phiên tới trước áp lực bán giải chấp ở nhiều nhóm ngành với vùng hỗ trợ kế tiếp được đặt quanh 920 (+5).
- NĐT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng trading ngắn hạn gối đầu tại vùng hỗ trợ trong phiên, nhưng cần tuân thủ điểm dừng lỗ và hạ tỷ trọng nếu điểm đỡ này bị xuyên thủng sau đó.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 955 - 960

Kháng cự gần: 931 - 935

Hỗ trợ gần: 900 - 905

Hỗ trợ xa: 888 - 892

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành đầu phiên, F1 đảo chiều lao dốc mạnh đến cuối phiên.
- Sau khi đánh mất vùng hỗ trợ gần quanh 955, chỉ số giảm sâu với thanh khoản gia tăng trở lại cho thấy áp lực từ bên bán tiếp tục chiếm ưu thế. F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong những phiên tới với vùng hỗ trợ kế tiếp được đặt quanh 900 (+5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

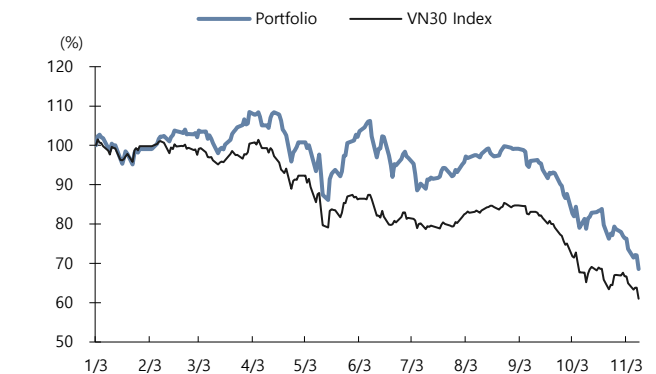
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-4.38%	-4.78%
Tăng lũy kế (YTD)	-39.00%	-31.45%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/11/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	42,350	-6.9%	9.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	15,300	-11.6%	-46.3%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	97,000	-0.3%	26.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	120,000	-8.0%	-37.5%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	68,000	-1.4%	130.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	73,000	-1.4%	200.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	22,750	-7.0%	20.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	113,400	-2.6%	54.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	12,100	-6.9%	8.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	13,950	-1.8%	35.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	-1.8%	14.9%	34.7
VHC	0.0%	29.1%	31.2
DPM	-6.9%	16.5%	30.7
DCM	-6.9%	10.2%	29.7
POW	-5.5%	3.1%	27.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-6.9%	18.5%	-209.2
STB	-6.8%	20.1%	-110.3
FUESSVFL	-4.9%	95.4%	-17.2
MSN	-6.9%	29.6%	-73.6
CTG	-7.0%	26.9%	-42.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-7.3%	12.4%	49.4
TNG	-9.4%	4.7%	1.0
BCC	-10.0%	1.0%	0.5
PVI	-4.8%	58.8%	0.4
VCS	-3.8%	3.0%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	-9.8%	0.4%	-10.1
HUT	-9.5%	0.8%	-0.3
SHS	-9.3%	5.6%	-0.3
HOM	-8.8%	1.1%	-0.0
PCG	-1.5%	46.9%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	2.7%	TDP, SVI, MCP, TPC
Tiện ích khí	1.8%	GAS, PGD, PMG
Đồ uống	1.2%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	0.1%	TNH, JVC, VMD
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	-20.4%	HPG, HSG, NKG, KSB
Xây dựng và kỹ thuật	-18.3%	DIG, HDG, VCG, PC1
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-16.4%	TLG, ILB, APC, ST8
Chứng khoán	-16.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Ngành chưa phân loại	-16.2%	CKG, PSH, NHH, ABS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích khí	11.1%	GAS, PGD, PMG
Ngân hàng	5.7%	VCB, BID, VPB, TCB
Thực phẩm	4.8%	VNM, MSN, KDC, VHC
Vận tải hàng không & Logistics	0.0%	TMS, SCS, STG, ASG
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chưa phân loại	-41.0%	CKG, PSH, NHH, ABS
Kim loại & khai thác	-30.8%	HPG, HSG, NKG, KSB
Xây dựng và kỹ thuật	-28.2%	DIG, HDG, VCG, PC1
Sản phẩm xây dựng	-26.7%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	-25.2%	TCH, HHS, SRF, SHA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	76,261 (3.1)	22.5	21.6	20.2	14.7	8.8	9.2	2.0	1.7	-1.3	-3.8	12.0	-44.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	151,541 (6.1)	26.6	6.2	5.2	35.9	22.2	22.0	1.3	1.1	-1.3	-2.3	18.5	-46.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	34,973 (1.4)	17.8	21.8	15.5	-7.6	8.1	10.6	1.7	1.6	-2.4	-4.6	-2.4	-17.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	117,251 (4.8)	31.3	16.0	13.4	6.7	14.1	15.2	2.2	1.9	-6.9	30.2	41.2	-50.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	44,774 (1.8)	11.6	9.6	9.2	13.7	13.0	12.4	1.1	1.0	-6.4	17.6	26.6	-59.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	112,129 (4.6)	13.9	6.8	5.4	-	10.4	11.5	0.5	0.5	-6.6	21.8	36.0	-69.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	82,206 (3.3)	6.3	12.9	10.9	11.7	22.0	22.0	2.5	2.1	-1.6	-0.3	11.8	-7.6
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	57,905 (2.3)	12.7	12.2	9.8	-5.3	17.4	18.5	1.8	1.5	-4.0	5.2	15.7	-6.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	193,553 (7.9)	0.0	3.7	3.2	14.3	20.9	19.5	0.7	0.6	-6.6	12.0	11.8	-54.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	158,061 (6.4)	1.4	6.1	5.2	50.3	18.5	19.6	1.0	0.9	-7.0	-3.6	9.9	-32.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	246,350 (10.0)	0.0	5.9	5.8	18.8	19.7	16.9	1.0	0.9	-6.9	-6.9	6.2	-31.7
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	215,048 (8.7)	0.0	4.1	3.6	14.6	24.5	22.9	0.9	0.7	-6.8	10.5	-8.4	-34.4
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	40,896 (1.7)	4.2	4.7	4.1	23.3	23.1	21.6	1.0	0.8	-1.4	-8.8	13.6	-40.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	352,706 (14.3)	14.0	7.0	2.4	26.5	12.5	24.9	0.7	0.6	-6.8	12.2	10.9	-51.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	74,358 (3.0)	0.0	5.1	4.0	37.4	21.6	21.5	1.0	0.8	-1.5	-6.4	-4.3	-51.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	37,524 (1.5)	0.2	12.2	10.4	27.3	16.0	16.2	1.6	1.4	-7.0	25.9	30.2	-23.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	39,281 (1.6)	21.0	17.0	13.8	15.8	9.9	11.5	1.6	1.5	-5.2	-7.2	-2.7	-13.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,561 (0.2)	14.2	9.5	8.5	9.1	12.8	13.6	1.0	1.0	-6.9	19.1	14.2	-56.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	286,553 (11.6)	55.4	8.3	7.6	-3.2	15.2	13.1	-	-	-6.7	15.8	20.1	-71.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	175,351 (7.1)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	-6.8	18.6	15.8	-60.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	101,659 (4.1)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	-6.9	10.2	-5.5	-58.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	269,819 (11.0)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	-7.0	18.7	33.7	-70.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	157,225 (6.4)	42.1	19.0	17.0	4.0	27.2	29.5	4.8	4.6	-3.1	-2.0	11.2	-9.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,123 (1.1)	36.9	23.7	20.5	7.3	22.4	22.9	4.9	4.3	0.0	1.4	0.0	22.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	112,695 (4.6)	16.5	21.4	15.3	-51.9	14.5	17.6	3.0	2.6	-6.9	-5.2	0.6	-43.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,061 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-4.8	-4.8	19.7	-67.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	25,412 (1.0)	11.0	42.3	26.8	-88.5	7.5	16.4	-	-	-0.6	-2.6	-9.1	-22.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	36,196 (1.5)	10.8	13.9	13.6	-57.0	13.4	13.5	1.9	1.8	-3.6	-7.3	-9.6	-7.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	64,511 (2.6)	38.4	4.6	24.5	65.7	14.3	2.4	0.6	0.6	-6.7	18.2	26.7	-71.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	146,622 (6.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.8	15.4	25.7	-72.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	20,464 (0.8)	3.6	28.4	5.6	-52.4	1.0	4.8	-	-	-6.9	25.7	33.2	-71.5
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	43,391 (1.8)	0.0	9.5	9.4	-4.5	16.4	15.3	1.4	1.2	-1.4	-9.7	10.6	13.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	39,673 (1.6)	46.1	15.5	16.5	-17.5	24.6	20.9	3.7	3.3	-2.6	1.8	7.0	17.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	32,843 (1.3)	31.4	8.3	8.2	-10.5	18.1	16.9	1.3	1.2	-6.7	-	-	-18.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,213 (0.0)	34.1	14.3	6.5	-5.1	4.7	9.9	0.8	0.8	-6.9	13.5	22.9	-49.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	557,831 (22.6)	18.0	3.2	2.8	21.9	21.4	20.5	0.6	0.5	-6.9	-	-	-66.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	121,617 (4.9)	36.5	3.3	4.9	-0.5	40.1	23.5	1.1	1.0	-6.9	-6.9	10.8	-21.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	148,892 (6.0)	46.5	4.3	6.5	-4.5	41.5	22.9	1.5	1.4	-6.9	-9.1	-7.0	-24.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	151,924 (6.2)	38.9	3.7	3.1	67.9	11.8	12.9	0.4	0.3	-7.0	-	-	-72.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	18,934 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-6.9	-	-	-67.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	28,658 (1.2)	4.6	17.9	9.7	-51.0	6.3	11.7	1.1	1.7	-6.6	-7.7	-	-49.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	166,296 (6.8)	39.9	244.4	15.1	-11.9	0.3	4.2	0.6	0.6	-6.8	-8.9	-	-29.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	26,778 (1.1)	35.9	6.9	6.9	2.2	13.1	12.2	-	0.7	-6.6	-4.7	12.8	-32.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	158,224 (6.4)	0.0	11.1	8.2	14.4	24.5	28.2	2.1	1.7	-6.9	14.4	25.8	-37.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	29,946 (1.2)	0.0	13.4	11.5	2.4	24.4	21.8	2.7	2.3	-0.3	-4.9	-7.6	0.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,366 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	-	-	-68.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	144,682 (5.9)	30.3	15.5	12.4	-75.2	27.8	25.6	3.6	2.8	-7.0	-9.1	2.5	4.2
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,681 (1.0)	34.6	6.3	5.2	41.2	29.6	25.2	1.5	1.3	-6.8	-6.8	-	-46.4
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,025 (0.0)	45.4	13.6	12.7	10.7	21.3	20.6	-	-	-2.6	-4.8	-1.8	-27.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	82,661 (3.4)	0.0	14.7	12.2	15.5	28.4	29.2	3.8	3.2	-1.4	-1.5	-1.4	-5.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích  
quangtpt@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.